Cơ quan:UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 10/01/2022 15:53:54

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Kết quả đánh giá chung việc giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố Quý IV năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh ban hành mẫu phiếu khảo sát, tiêu chí tự đánh giá và phương pháp thu thập, tổng hợp, công khai kết quả đánh giá trực tuyến việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Kết quả đánh giá chung việc giải quyết thủ tục hành chính Quý IV năm 2021 của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập ý kiến đánh giá của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và kết quả đánh giá trực tuyến đối với việc giải quyết thủ tục hành chính trên chức năng "Đánh giá trực tuyến việc giải quyết thủ tục hành chính" của Cổng dịch vụ công tỉnh tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xử lý kết quả đánh giá trên chức năng "Đánh giá trực tuyến việc giải quyết thủ tục hành chính" của Cổng dịch vụ công tỉnh theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 15 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ như sau:

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh công bố Kết quả đánh giá theo từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở Quý IV năm 2021; xử lý kết quả đánh giá đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Hoàn thành trước ngày 31/01/2022.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố công bố Kết quả đánh giá theo từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và Kết quả đánh giá chung việc giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã Quý IV năm 2021; xử lý kết quả đánh giá đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, UBND các xã. phường, thị trấn trên địa bàn và cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Hoàn thành trước ngày 31/01/2022.

3. Chủ tịch UBND huyện Bố Trạch và huyện Minh Hóa báo cáo giải trình cho UBND tỉnh về trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả đánh giá Quý IV và lũy kế năm 2021 đạt dưới 50%; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ của Thường trực Tỉnh ủy giao tại Thông báo số 263-TB/TU ngày 05/7/2021 về nâng cao các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Hoàn thành trước ngày 31/01/2022.

4. Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh sử dụng Kết quả đánh giá chung việc giải quyết thủ tục hành chính lũy kế các quý II, III và IV năm 2021 đã được UBND tỉnh công bố để xác định chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện theo Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh *(trừ Quý I năm 2021 do Hệ thống mới vận hành thử nên không công bố kết quả đánh giá)*.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ, Cục KSTTHC;
- BTV TU;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TDNV, KSTTHC.

CHỦ TỊCH

Trần Thắng

Phụ lục

CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ QUÝ IV NĂM 2021

(Tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn/danh-gia)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 04 /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Kết quả đánh giá Quý IV năm 2021 (%)	Lũy kế năm 2021 (gồm quý II, III, IV) %
A	**Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh**		
1	Sở Khoa học và Công nghệ	91.55	89.25
2	Sở Tài chính	91.25	88.85
3	Sở Xây dựng	89.8	87.95
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	92.7	87.7
5	Sở Thông tin và Truyền thông	88.2	85.45
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	92.15	84.5
7	Ban Quản lý Khu Kinh tế	87.25	83.95
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	89.15	83.15
9	Sở Công thương	90.05	81.65
10	Sở Tư pháp	87.5	80.3
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	88.8	80.3
12	Sở Giao thông Vận tải	91.85	80.2
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	90.7	77.85
14	Sở Nội vụ	80.25	77.0*
15	Sở Y tế	86.75	76.55
16	Sở Du Lịch	86.45	76.2
17	Sở Văn hóa, Thể thao	90.4	76.05
18	Thanh tra tỉnh	80.9	75.95
19	Ban Dân tộc	88.35	75.55*
20	Sở Ngoại vụ	86.25	75.4

** Lũy kế năm 2021 của Ban Dân tộc và Sở Nội vụ được điều chỉnh kết quả Quý II theo Quyết định số 2351/QĐ-UBND do không phát sinh hồ sơ để thu thập Phiếu khảo sát.*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Kết quả đánh giá Quý IV năm 2021 (%)	Lũy kế năm 2021 (gồm quý II, III, IV) %
B	**Các huyện, thị xã, thành phố**		
1	Huyện Tuyên Hóa	82.1	72.95
2	Thị xã Ba Đồn	81.2	71.95
3	Huyện Lệ Thủy	80.2	71.9
4	Thành phố Đồng Hới	77.65	60.35
5	Huyện Quảng Ninh	75.6	57.45
6	Huyện Quảng Trạch	77.4	53.75
7	Huyện Minh Hóa	37.15	36.45
8	Huyện Bố Trạch	47.4	35.95

Ghi chú: *Kết quả đánh giá lũy kế năm 2021 không bao gồm Quý I do Hệ thống mới vận hành thử nên không công bố kết quả đánh giá).*